

## NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH VỀ PHÊ PHÁN LÝ LUẬN XÃ HỘI HỌC TƯ SẢN

L.G.LONIN- G.V.OSIPOV

Nghị quyết Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô nhằm nâng cao vai trò của các nhà khoa học xã hội trong công cuộc xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa đang đề ra trước các nhà khoa học Xô Viết những vấn đề nghiên cứu về xã hội xã hội chủ nghĩa, đồng thời nâng cao trình độ lý luận phê phán các hệ thống tư tưởng tư sản, các hệ thống này đều nhằm mục đích phá hoại, làm mất uy tín củ công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa ở Liên Xô, các nước thuộc khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa và rút cuộc biện minh cho sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản.

Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô đã nói tới sự cần thiết phải nâng cao vai trò của các nhà khoa học xã hội trong cuộc đấu tranh tiến công chống lại chủ nghĩa chống cộng, phê phán những lý luận tư sản và xét lại, vạch trần những kẻ xuyên tạc các tư tưởng của chủ nghĩa Mác- Lênin. Các quan niệm xã hội học khác nhau, cụ thể là những quan niệm xã hội học lý thuyết đóng vai trò quan trọng nhất trong số những lý luận tư sản và xét lại ấy.

Những quan niệm này tập trung vào những vấn đề dường như không có ý nghĩa tư tưởng trực tiếp, xa rời với tính trực tiếp của tồn tại xã hội, với những vấn đề xã hội gay gắt và bức thiết do các nhà khoa học tư sản đề ra để đối lập với chủ nghĩa duy vật lịch sử, với xã hội lý thuyết Mác –Lênin.

Trái ngược với chủ nghĩa duy vật lịch sử hướng tới hành động tích cực, cải tạo xã hội, các nhà tư tưởng tư sản bằng mọi cách nhấn mạnh tính trung lập về giá trị và tư tưởng, “tính khách quan”, “tính siêu giai cấp” trong những quan niệm của họ. Như các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã vạch rõ, những ý kiến khẳng định kiểu đó là hoàn toàn là vô căn cứ. V.Lênin đã dạy: “Cần phải nhận định về các nhà triết học không phải tuân theo những chiêu bài do chính họ giương ra.. mà theo việc trên thực tế họ giải quyết những vấn đề lý luận cơ bản như thế nào, họ sát cánh với ai, họ đang dạy điều gì và họ đã dạy điều gì cho học trò và những người kế tục họ”(1).

Phân tích giải quyết những vấn đề lý luận cơ bản trong xã hội tư sản hiện đại cho thấy xã hội học tư sản mang tính chất duy tâm chủ nghĩa, phản biện chứng, còn những kết luận chính trị rút ra từ cách giải quyết thì tỏ ra là những kết luận phản động tạo điều kiện bảo vệ và duy trì các quan hệ xã hội tư bản chủ nghĩa( mặc dù có những khác biệt đáng kể giữa các quan điểm được đưa ra).

Những ý kiến của các nhà lý luận tư sản khẳng định “ tính không thiên vị” trong những quan điểm của họ đã bóp méo chính thực chất của trí thức xã hội học. Trí thức xã hội học, xét về bản chất, không thể là trung lập, bởi vì đó là trí thức của con người về xã hội con người. Nó phản ánh trong

Trong các quan niệm xã hội học lý thuyết tư sản có sự kết hợp kỳ quặc nhất giữa những yếu tố nhận thức khoa học về thế giới với những nét đặc điểm của chủ nghĩa giáo điều tư tưởng, những tư biện chủ quan che lấp mất ý nghĩa xã hội đích thực và cơ sở xã hội của các quan điểm ấy. Cho nên nhiệm vụ của nghiên cứu macxít không chỉ là vạch trần bản chất tư tưởng của các lý luận tư sản, mà còn là xem xét bản thân các lý luận đó với tính cách là một sự kiện xã hội cần phải nghiên cứu, một sự kiện cho phép làm sáng tỏ những loại hình thức cảm giác thế giới, cảm thụ thế giới khác nhau đặc trưng cho xã hội tư sản hiện đại và thông qua đấy làm sáng tỏ những hình thức hoạt động sống được quy định bởi một nội dung lý luận, phương pháp luận nào đó.

Như vậy, việc phê phán xã hội học tư sản trong hệ thống xã hội học mac-xít không chỉ thực hiện chức năng phê phán mà cả chức năng nghiên cứu nữa, rút cuộc nó là nghiên cứu về bản chất xã hội của nhận thức, về “những phương diện xã hội của lý luận nhận thức, những phương diện xã hội của lý luận nhận thức, những phương diện phát sinh không phải do cá nhân - tự nó nhận thức, mà do cá nhân xã hội, do xã hội nhận thức”(3). M.T.lovchuk viết, có thể định nghĩa hệ vấn đề theo hướng này là xã hội học macxit về nhận thức(4). Như vậy, phát hiện và làm sáng tỏ những quy luật phát sinh và tồn tại cơ bản của tri thức biểu hiện trong tiến trình tiến hoá hệ thống xã hội học tư sản là nhiệm vụ hàng đầu của việc phê phán macxit đối với xã hội học tư sản.

Những quy luật do xã hội học tư sản đưa ra cho phép lịch sử xã hội học tư sản không phải với tính cách là một tập hợp các hệ thống lý luận không liên hệ gì với nhau mà với nhau, mà với tính cách là một chỉnh thể thống nhất phát triển và hoàn thiện trong quá trình tiến hoá của xã hội tư sản. Từ đấy suy ra rằng, mặc dù trong các hệ thống lý luận của xã hội học tư sản cũng có yếu tố khoa học, nhưng hoàn toàn không phải yếu tố ấy là yếu tố quyết định. Rút cuộc, việc làm sáng tỏ, làm nổi bật phương diện này hay phương diện kia của đời sống xã hội, việc hiểu thấu phương diện đó về lý luận một cách khoa học được quyết định bởi lợi ích tư tưởng nếu không phải của bản thân nhà lý luận thì cũng của giai cấp cầm quyền nói chung. Cho nên có thể nói rằng cách nhìn xã hội trong mọi hệ thống xã hội học lý thuyết tư sản có thể phản ánh đúng đắn trên phương diện này hay phương diện kia yếu tố nào đấy hoặc cấp độ nào đấy của đời sống xã hội, còn đối với xã hội chúng đều là “pars pro toto”, nghĩa là thay thế bộ phận vào chỗ chỉnh thể, rút cuộc chỉ là ẩn dụ không thể cho phép nhận thức một cách đích thực về đối tượng, có khả năng (trong trường hợp tốt nhất) gây ra thái độ tích cực, gây ra một khuynh hướng, nhưng không thể trở thành cơ sở thích ứng cho hoạt động cải tạo xã hội. các hệ thống lý luận xã hội học tư sản không có tính khoa học tư sản thay đổi phương hướng lý luận chiếm ưu thế của nó

Vai trò quyết định các thành phần ý thức hệ trong tư tưởng xã hội học lý thuyết tư sản so với thành phần kho học nổi bật hẳn lên ngay cả khi nhìn lướt qua tình hình hiện nay trong xã hội học lý thuyết phương Tây.

Vào cuối những năm 50 và đầu những năm 60, trong xã hội phương Tây đã triển khai phê phán chủ nghĩa chức năng – cấu trúc đang có tham vọng giữ vai trò lý luận xã hội tổng quát. Có thời, chủ nghĩa chức năng - cấu trúc với những phép tắt suy bảo thủ của nó đã được nhiều nhà xã hội học tư sản ủng hộ. Tuy nhiên, những mâu thuẫn xã hội trở nên trầm trọng, làn sóng tranh chấp và xung đột gay gắt vào cuối những năm 60 thế chỗ cho tính ổn định tương đối của những năm 50 đã bắt các hệ thống tổng quát trong xã hội học đã trở thành một dạng tổng hợp đặc biệt giữa mô hình chức năng- cấu trúc về sự cân bằng và mô hình xung đột, thường được diễn tả bằng những thuật ngữ chức năng.

Sự phát triển của khuynh hướng này trong xã hội học phương Tây kế tục nhánh thực chứng chủ nghĩa truyền thống, khi khách thể của xã hội học là các quan hệ xã hội và cơ cấu xã hội được lý giải bằng những khái niệm gần gũi với cách tiếp cận kho học tự nhiên. Các quan hệ xã hội và cơ cấu xã hội ấy được xét hoàn toàn độc lập với con người, với những ý định và nguyện vọng của con người, chúng chế định hướng hành động của con người và các kiểu quyết định được thông qua. Trong những hệ thống xã hội ấy, con người được xem như một đối tượng ít nhiều thụ động chịu tác động của các cơ cấu xã hội. Với quan niệm như vậy, nhiệm vụ của nhà xã hội học được quy về miêu tả các cơ cấu xã hội ấy và cuối cùng làm sao tạo điều kiện lợi dụng con người bằng cách thay đổi những điều kiện và nhân tố quyết định và định hướng tiến trình hoạt động của con người.

Trong khuôn khổ lý thuyết hệ thống tổng quát, vấn đề biến động phù hợp với chủ định có ý thức của các nhà hoạt động vẫn không giải quyết được. Tương tự như những người theo chủ nghĩa chức năng truyền thống, những người ủng hộ cách tiếp cận này đã làm cho hệ thống trở nên độc lập, không lệ thuộc vào thực tại. Ngay cả khi nói tới những biến động có chủ định của hệ thống, họ thường không đề cập tới những con người hoặc những nhóm người xã hội chịu trách nhiệm về việc đạt tới các mục tiêu có ý nghĩa xã hội. Thay vào đấy, họ dùng những khái niệm vô nhân xưng kiểu như “đơn vị quyết định”. Hiệu quả của quyết định được xác định tạo điều kiện đến chừng mực nào đó cho hoạt động tối ưu của hệ thống trong hoàn cảnh đã cho. Nói một cách khác, những người ủng hộ cách tiếp cận này tìm điều kiện bảo đảm hậu quả tích cực đối với hệ thống, hơn nữa hiệu quả “làm việc” của hệ thống thường đạt được bằng cách khước từ việc phân tích những hậu quả tiêu cực có thể có của các quyết định này khác đối với con người. việc quy giản cá tính về một đặc trưng phẩm chất nào đó chẳng hạn như về nhu cầu động cơ hoặc tâm thế thực sự cho mô hình lý luận trở nên đơn giản hơn nhưng lại hạ thấp khả năng tiên đoán của nó.

Điều này trở nên ngày càng rõ rệt hơn khi chi định dùng kinh nghiệm để kiểm tra về những luận điểm lý luận được đưa ra trong khuôn khổ chắc tiếp cận như vậy. Rút cuộc đã không thể từ bỏ được vấn đề đặc điểm đặc trưng của khách thể nghiên cứu xã hội học. Ở đây, những công trình của G. Gurvich, T.Adorno, H.Shellski, N.Po-Iani, của các nhà xã hội học và triết học khác đã có ảnh hưởng hết sức quan trọng. Các nhà khoa học này bắt buộc ngay ở cấp độ triết học phải tìm nguyên nhân dẫn đến những thất bại mà xã hội học kinh nghiệm truyền thống và lý luận có định hướng tự nhiên chủ nghĩa về hệ thống xã hội đã vấp phải. Tuy nhiên, việc phê phán gay gắt nhất đối với phương pháp luận khoa học tự nhiên truyền thống của xã hội học đã xuất phát từ những người đại diện cho trường phái Frankfurt, họ chống lại những nhà khoa học phương Tây mà trong những năm 40-50 đã đề xướng các phương pháp tập hợp và xử lý thống kê dữ liệu. Những người ủng hộ xã hội học “ phê phán” vạch rõ rằng thực tại xã hội xem xét về bản chất có tính biện chứng và cần phải tìm ra các phương tiện cho phép phản ánh đặc điểm đặc trưng cho đời sống xã hội thường xuyên biến động. Cuộc tranh luận giữa K.Poper và T.Adorno(1961) đã tạo điều kiện cho những bất đồng về những tư tưởng phương pháp luận mới so với những tư tưởng phương pháp luận chức năng chủ nghĩa.

Tư tưởng cho rằng hành vi con người không quy được về tập hợp đơn giản những phản ứng với các tác nhân kích thích bên ngoài, rằng bản thân con người tham gia trong việc lựa chọn các tác nhân kích thích hành vi của mình đã thúc đẩy nhiều nhà xã hội học lý giải hành vi xã hội lệ thuộc vào ý nghĩa mà chính nhà hoạt động gán cho phương tiện này hay phương tiện như vậy, các nhà lý luận tư sản đã sử dụng triết học và xã hội học hiện tượng luận.

Ngay từ giữa những năm 60, người ta đã bắt đầu quan tâm tới các công trình của E.Husserl. Ở Mỹ, những công trình của A. Schutz đã thu hút sự chú ý của các nhà xã hội học. Người ta có ý định kết hợp những luận điểm triết học và phương pháp luận của hiện tượng luận với các sơ đồ lý luận khác : hiện tượng luận, những luận điểm tản mạn của chủ nghĩa Mac, một số tư tưởng của M.Scheler và K.Mannheim, những quan điểm hiện sinh chủ nghĩa được quy thành một cái gì đấy thống nhất. Các công trình lý luận loại tương tự có tính hết sức chiết trung và trong số này hiện vẫn chưa có một công trình nào đưa ra mô hình lý luận hoàn chỉnh về xã hội.

Trong thời gian gần đây, xã hội học phương Tây đang chịu ảnh hưởng đáng kể của triết học ngôn ngữ. Việc các phương pháp ngôn ngữ học đã được nghiên cứu kỹ lưỡng dẫn tới chỗ cùng với các kết cấu ngôn ngữ, người ta dần dần bắt đầu liên tưởng tư tưởng về khả năng tìm thấy chính trong các kết cấu ấy chìa khóa của ý nghĩa của hành động con người. Nhiều nhà xã hội học bắt đầu ủng hộ tư tưởng cho rằng thế giới xã hội dường như là thế giới của những ý nghĩa mà rút cuộc được thể hiện trong ngôn ngữ. Mà vì vậy, ngôn ngữ phải trở thành khách thể cơ bản của khoa học xã hội học. ngày nay, vô số các công trình nghiên cứu kinh nghiệm đã phân tích lời nói trong điều kiện tự nhiên, phát hiện những đặc điểm cơ cấu xã hội của tác động qua lại ngôn ngữ, những ý nghĩa cá nhân của các tác

Việc chú ý tới thế giới các ý nghĩa tất yếu dẫn các nhà nghiên cứu theo định hướng này tới chỗ tìm vị trí và vai trò của tri thức trong đời sống con người. Mà điều đó, đến lượt nó, có ý nghĩa là trong tâm chú ý là vấn đề, là ý nghĩa của tri thức xã hội học đối với xã hội học cả con người. Giải quyết vấn đề ấy là phương diện trung tâm của hướng xã hội học có thể được gọi là hướng “ nhân đạo chủ nghĩa” và gồm những biến dạng khác nhau của xã hội học phê phán thuộc trường phái Frankfurt và triết học hiện tượng luận.

Việc lý giải vai trò của tri thức xã hội học trong sự biến đổi xã hội tương đối đặc trưng cho các nhà xã hội học phương Tây theo hướng phi truyền thống. Họ xuất phát từ luận điểm cho rằng thế giới xã hội biến đổi bởi vì con người nhận thức nó. Nói một cách khác, tính quy luật xã hội được nhận thức không còn là tình quy luật với nghĩa nghiêm ngặt của từ này. Bản thân nhận thức làm biến đổi tính quy luật ấy, bổ sung những thành phần mới vào tình quy luật ấy, làm cho nó khác đi. Theo ý kiến của những người bảo vệ quan niệm trên thì nhận thức như vậy mở rộng khả năng và nhiệm vụ của khoa học xã hội. Họ cho rằng xã hội học có bộ máy lý luận và phương pháp luận thích ứng một cách tốt nhất với nhận thức về thực tại. Xuất phát từ luận điểm cho rằng con người sáng tạo ra thế giới xã hội, họ có khả năng biến đổi thế giới xã hội nhưng đồng thời nhiều khi lại rơi vào vòng vây của những ý nghĩa mà trước đây do chính bản thân con người sinh ra. Những người ủng hộ hướng này nêu lên rằng xã hội học có thể vạch ra cho con người những ranh giới mà con người tự xác lập cho mình. Theo quan điểm của họ, bản thân việc phát hiện sự kiện đó là một bước nhất định trên đường tiến tới tự do của con người, nhưng điều ấy chưa phải là tất cả. Xã hội học với tính cách là khoa học về con người và cho con người còn phải “tìm những con đường giảm bớt những hạn chế”, tuân theo những lý tưởng của chủ nghĩa nhân đạo. Như vậy, xã hội học được gán cho địa vị một khoa học đặc thù nào đây, khoa học “giả phóng”.

Tuy nhiên, nếu lưu ý rằng thế giới xã hội chủ yếu được xét ở đây với tính cách là thế giới các ý nghĩa, và do đó, biến đổi xã hội là sự thay thế các ý nghĩa này bằng các ý nghĩa khác, thay thế các hệ thống giá trị, thì có thể nói những người ủng hộ định hướng này vẫn tiếp tục nằm trong khuôn khổ những quan điểm duy tâm chủ nghĩa. Họ hy vọng rằng việc phổ biến tri thức xã hội học tự nó có khả năng dẫn tới những biến đổi xã hội mà không cần có sự biến đổi căn bản trong lĩnh vực vật chất của tồn tại xã hội, nghĩa là họ quay trở về quan điểm khai sáng tư sản. Như vậy, “nhưng định hướng mới nhất” của xã hội học tư sản hiện vẫn còn chur mang lại những tiến bộ rõ rệt về mặt lý luận, chúng chỉnh ra những bất đồng mới về phương pháp luận mà có thể xác định là những bất đồng giữa các định hướng “khoa học tự nhiên” và “nhân đạo chủ nghĩa”.

Việc xét lại một cách phê phán những cơ sở của xã hội học đã thu hút sự chú ý của các nhà lý luận tư sản đối với các vấn đề về mối liên hệ giữa nghiên cứu xã hội học với hệ tư tưởng và chính trị.

Tuy nhiên hiện nay, phần lớn các nhà xã hội học tư sản đã thừa nhận

mối liên hệ của mình với hệ tư tưởng và nền chính trị hệ thống và đã thừa nhận những hậu quả chính trị do hoạt động của mình gây ra. Hơn thế nữa, giờ đây ở phương Tây người ta đang nói nhiều tới việc tất yếu phải có sự tham gia tích cực của các nhà xã hội học trong đời sống xã hội, mặc dù hình thức tham gia ấy vẫn còn gây ra vô số các cuộc tranh luận.

Khái quát hoá những điều nói trên, có thể rút ra hàng loạt kết luận về những khuynh hướng đặc trưng cho giai đoạn phát triển hiện nay của xã hội học tư sản.

Trong xã hội học tư sản ngày nay, không có một hướng lý luận tổng quát thống nhất nào đảm bảo được cả những tiêu đề xuất phát cho nghiên cứu cá biệt lẫn ngôn ngữ chung để giải dữ liệu nhận được.

Bên trong xã hội học tư sản đã có một xu hướng phân hoá nhất định về các mặt lý luận và phương pháp luận, xu hướng này có thể được xác định với tính cách là đặt định hướng thực chứng chủ nghĩa của các nhà xã hội học đối lập với các định hướng mới, nhân đạo chủ nghĩa hơn, gắn liền với những tư tưởng biện chứng và phê phán của trường phái Frankfurt và những tư tưởng của triết học hiện tượng luận.

Xã hội tư sản học hiện đại đang trải qua khủng hoảng gay gắt. Tình trạng này không phải là kết quả phát triển bên trong giản đơn của bộ môn như một số nhà xã hội học tư sản muốn lý giải. Nó được chế định bởi những nguyên nhân xã hội sâu sắc và có thể được xét với tính cách là phản ánh cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản trong lĩnh vực xã hội học tư sản. Bản thân cấu trúc của xã hội tư bản chủ nghĩa là vật chướng ngại cho sự phát triển thích ứng của nhận thức xã hội học. Mâu thuẫn đối kháng giai cấp, cuộc đấu tranh giữa các nhóm lợi ích hoàn toàn đối lập nhau quyết định cách đặt những vấn đề mà việc giải quyết chúng sẽ phù hợp với việc đạt tới những mục tiêu của giai cấp cầm quyền và những phái riêng lẻ trong giai cấp cầm quyền chứ không phải của xã hội nói chung. Trong điều kiện sự phát triển của xã hội học về nhiều mặt do mức độ tài trợ mà các cơ quan nhà nước và tư nhân cấp cho nó quyết định, hướng phát triển xã hội học sẽ được chế định bởi tính chất chất của các công trình nghiên cứu được cấp kinh phí trước tiên. Còn trình tự vấn đề thường không do các nhà xã hội học mà do những kẻ trả tiền cho họ quyết định. Như vậy, xã hội học được sử dụng chủ yếu với tính cách là công cụ trong tay giai cấp cầm quyền.

Hình thức liên hệ được chế định về mặt lịch sử giữa xã hội học tư sản với hệ tư tưởng tư sản quyết định trong khuôn khổ của khoa học này cách lý giải duy tâm chủ nghĩa hay duy vật thông tục chủ nghĩa về thế giới xã hội. Điều này dẫn tới chỗ mọi đặc điểm khủng hoảng của hệ tư tưởng tư sản đều đặc trưng cho xã hội học tư sản.

Ngay bản tổng quan phê phán này đã cho thấy lý luận xã hội học tư sản đa dạng, nhiều đến mức nào. Bản thân các nhà xã hội học tư sản thích khẳng định rằng “ chủ nghĩa đa nguyên” của các nhà tiếp cận, “tính dễ khoan dung” về lý luận được xem như là điều kiện thiết yếu để nhận thức một cách khách quan, khoa học về thế giới xã hội. Chúng ta đã nêu lên rằng chủ nghĩa đa nguyên như thế trên thực tế có nghĩa là “ tính cá biệt” của từng cách tiếp cận, dẫn tới tuyệt đối hoá siêu hình cái cá biệt và không thể nhận thức được cái thống nhất trong sự đa dạng thực tại của đời sống xã hội. Do đó, trước các nhà phê phán macxít nổi lên nhiệm vụ phải sắp xếp lại sự đa dạng ấy của các cách tiếp cận nhằm mục đích đặt lý luận biện chứng mácxít về xã hội trong sự đầy đủ và toàn diện của nó đối lập với toàn bộ mặt trận các quan niệm xã hội học lý luận tư sản “ chuyên biệt”, nghĩa là nổi lên nhiệm vụ phân loại, loại hình hoá các quan niệm ấy.

Trong thời gian gần đây, người ta thường thấy có sự phân biệt cấu trúc lý luận trong các khoa học xã hội theo nguyên tắc “ chủ nghĩa duy khoa học- chủ nghĩa phản khoa học”. Nhưng như đã nói, mọi hệ thống xã hội học lý thuyết tư sản đều không mang tính khoa học với nghĩa chặt chẽ của từ này. Mặt khác, có lẽ không một ai trong các nhà xã hội học tư sản ngày nay lại ủng hộ quan điểm chủ nghĩa phản khoa học thuần túy. Tất cả họ đều cho rằng xã hội học là một khoa học, tất cả họ đều coi “ tính khoa học” là đặc điểm không thể tách rời của tri thức xã hội. Còn về khoa học xã hội thì tranh luận chỉ diễn ra về sự phân biệt giữa những lý tưởng thực chứng chủ nghĩa cứng nhắc và “ nhân đạo chủ nghĩa”, “ dịu dàng” hơn của khoa học. Phép lưỡng phân “chủ nghĩa duy khoa học- chủ nghĩa phản khoa học” đóng vai trò nhất định trong triết học, hệ tư tưởng, ý thức hàng ngày, nhưng hoàn toàn không làm sáng tỏ tình hình trong lĩnh vực xã hội học lý thuyết.

Với nghĩa này, W. Dilthey, một trong những người đầu tiên theo “chủ nghĩa phản khoa học”, là một ví dụ hết sức điển hình. Tính phản xã hội học về nguyên tắc đặc điểm đặc trưng cho quan niệm của Dilthey về xã hội và về nhận thức xã hội. Dilthey vạch rõ rằng ông đấu tranh không phải đòi làm trong sạch xã hội học, không phải vì tính đích thực của khoa học này. Ông phủ nhận trực tiếp khả năng và tính hợp lý của nhận thức khoa học về xã hội. Ở đây ông gọi những nhà xã hội học theo chủ nghĩa thực chứng và chủ nghĩa hữu cơ như A.Comte, H.Spencer, P.Lilienfeld, v.v... là kẻ thù tư tưởng của mình, tức là ông đấu tranh chống quan điểm chủ nghĩa tự nhiên thực chứng của khoa học xã hội. Nếu Dilthey có điều kiện làm quen với những quan niệm hiện đại của “ xã hội học linh hội “ thì chắc chắn ông sẽ liên kết với những khẩu hiệu của nó và ông sẽ đấu tranh chống xã hội học thực chứng chủ nghĩa dưới ngọn cờ xã hội học “ chân thực”, chống lại khoa học theo cách nhìn của những người ủng hộ chủ nghĩa thực chứng dưới ngọn cờ khoa học “ nhân chính “. Cho nên, sự đối đầu giữa chủ nghĩa duy khoa

Cũng như vậy, cả phân loại theo tiêu chuẩn “chủ nghĩa duy khoa học - chủ nghĩa nhân bản”, nghĩa là phân loại theo dấu hiệu Thế giới quan hết sức rộng chưa chắc đã thích hợp nhất để xét tập hợp các hệ thống xã hội học lý thuyết luôn luôn có nội dung quan niệm thể hiện tương đối rõ nét.

Cả hai tiêu chuẩn kể trên đặc trưng cho những đặc điểm thế giới quan của các quan niệm đã phân tích và có giá trị đáng kết. Tuy nhiên, để nhận định về các lý luận xã hội học, cần định hướng cho những dấu hiệu súc tích hơn liên quan tới đặc điểm tượng trưng cho việc hiểu về bản chất của thực tại xã hội trong quan niệm này hay quan niệm kia.

Cuối cùng, lẽ ra có thể tuân theo những tiêu chuẩn phân loại được chính các nhà xã hội học tư sản thừa nhận khi nhận định chung về xã hội học lý thuyết. Nhưng các cách phân loại tương tự, trên nguyên tắc, lại tỏ ra thiếu cơ sở logic cũng như cơ sở lý luận. Chúng xếp nhà lý luận này hay nhà lý luận khác vào một “trường phái” hoặc “một khuynh hướng” dựa trên cơ sở yếu tố “cá biệt” nào đấy của đời sống xã hội do chính bản thân các nhà lý luận tách ra với tính cách là nguyên lý cơ sở, điều đó sẽ chỉ dẫn tới tái hiện chủ nghĩa đa nguyên lý luận (sưu tập văn chương của các triết gia Cổ Hy Lạp) và không thể hiểu một cách có hệ thống tính chất (có tổ chức xã hội) của xã hội học tư sản.

Vấn đề ở chỗ lịch sử phát triển xã hội học lý thuyết tư sản đặc trưng bởi sự thay thế thường xuyên những phương pháp lý luận- phương pháp luận chủ chốt. Mà điều này lệ thuộc trực tiếp vào trạng thái hệ thống xã hội cụ thể của chủ nghĩa tư bản và bầu không khí tư tưởng chung của thời đại.

Chẳng hạn, sự ra đời của xã hội học tư sản vào đầu thế kỷ XIX đã gắn liền một cách chặt chẽ nhất với những khuynh hướng cấp tiến tiên, duy lý của các nhà tư tưởng đại diện cho chủ nghĩa tư bản sơ kỳ. Trên ngọn cờ của họ có viết “khoa học và tiến bộ”. Vừa mới ra đời, mới tách khỏi lòng bà mẹ triết học, xã hội học đã vội thoát khỏi những yếu tố tư biện, nhấn mạnh chủ nghĩa, kinh nghiệm, tính khoa học, tính thực chứng, tính trần tục của mình. Không phải ngẫu nhiên mà trong cách phân loại các khoa học do A.Comte, người sáng lập ra xã hội học tư sản, đề xuất, xã hội học nằm ở bậc cao nhất, dường như kết thúc sự thống nhất đối tượng khách quan và phương pháp luận của khoa học.

Hiển nhiên, quan điểm của Comte không nhất quán. Trong xã hội học của ông, những yếu tố của triết học tư biện về lịch sử, của chủ nghĩa duy vật khoa học tự nhiên tự phát và những khuynh hướng duy tâm chủ quan chủ nghĩa đan quyện với nhau. Nhưng bản thân yêu cầu của ông về tính khoa học của xã hội học, việc đặt xã hội học với tính cách là khoa học đối lập với các hệ thống tư biện và thần học tôn giáo trước đó đã hoàn toàn phản ánh những ảo tưởng của các nhà tư tưởng thời chủ nghĩa tư bản sơ kỳ về khả năng xây dựng một cách duy lý và nhận thức một cách khoa học đối với thế giới xã hội.

Những ảo tưởng ấy đã bị bản thân tiến trình phát triển lịch sử và xã hội phá vỡ. Bất bình đẳng về xã hội thay thế cho bất bình đẳng về đẳng cấp. Sự áp bức tư bản chủ nghĩa đã thay thế cho áp bức phong kiến, và đến cuối thế kỷ XIX khi chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn cao hơn của nó, giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, thì mọi mâu thuẫn của nó đã bị bản thân lịch sử phá vỡ, và sự suy sụp đổ của chúng ta đã gây ra làn sóng chủ nghĩa phi duy lý trong hệ tư tưởng, trong triết học, nghệ thuật, khoa học. Hiện nay làn sóng ấy không những không mất đi mà thậm chí còn mạnh thêm lên, bởi vì những mâu thuẫn của hệ thống xã hội tư bản chủ nghĩa gây ra làn sóng ấy đã không mất đi mà còn trở nên gay gắt hơn.

Trong những tác phẩm ban đầu rồi sau trong bộ “ tư bản” của mình, C.Mác đã làm sáng tỏ một cách tuyệt vời bản chất phi duy lý, chống con người của sản xuất tư bản chủ nghĩa và của toàn bộ hệ thống xã hội trong chủ nghĩa tư bản. Dưới chủ nghĩa tư bản thì hàng hoá thống trị con người, người lao động xa lạ với con người, bởi lẽ sự giao tiếp đã bị chi phối bởi những quy luật khách quan của chủ nghĩa tư bản tác động với sự tất yếu nghiệt ngã. Việc chủ nghĩa Mác nhận thức được những quy luật ấy đã đặt vào chương trình nghị sự trước con người công tác thực tiễn nhằm làm chủ tồn tại xã hội của mình, biến đổi chế độ xã hội, nghĩa là hoạt động thực tiễn nhằm làm chủ tồn tại xã hội của mình, biến đổi chế độ xã hội, nghĩa là hoạt động thực tiễn cách mạng.

Những tính cách mạng của kết luận mácxít xa lạ hệ tư tưởng tư sản, bởi vì sự phát triển của thực tiễn xã hội đòi hỏi phải huỷ bỏ chính hệ tư tưởng ấy. Cho nên khoa học tư sản về xã hội hiểu thấu cuộc khủng hoảng những tiền đề lý luận và phương pháp luận của bản thân mình theo con đường khác. Tính phi duy lý của chủ nghĩa tư bản đã được nó ý thức với tính cách là tính phi duy lý của tồn tại xã hội nói chung, và luận điểm này đã là cơ sở cho cuộc đấu tranh chống lại phương pháp luận duy lý xây dựng theo kiểu mẫu khoa học tự nhiên của xã hội học A.Comte và, nói chung, chống lại xã hội học với tính cách là một khoa học thực chứng.

Phản ứng đã diễn ra theo hướng phủ nhận khả năng nhận thức một cách khoa học khách quan về các hiện tượng xã hội. Hàng loạt các nhà lý luận theo chủ nghĩa phản thực chứng( W.Dilthey, H.Rickert, G. Simmell, phần nào M.Weber ở Đức, C.Cooley, G.Mead, rồi sau F.Znaniecki. W.Thomas, R.McIver ở Mỹ, v.v...) đã góp phần của mình vào việc đưa ra cách nhìn chủ quan chủ nghĩa, phản thực chứng chủ nghĩa, phản tự nhiên chủ nghĩa về thực tại xã hội. Tuy nhiên, phần tư thứ hai của thế kỷ XX lại được đặc trưng bởi việc tăng cường ảnh hưởng của xã hội học tự nhiên chủ nghĩa, nó đã đạt tới đỉnh cao của mình trong hệ thống quy mô rộng lớn của Parsons, hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà thành công của hệ thống này lại rơi vào những năm 50, thời kỳ ổn định tương đối của thế giới tư bản chủ nghĩa.

Trong những năm 60-70, được đánh dấu bởi những chấn động gay gắt nhất về kinh tế, chính trị và xã hội của hệ thống tư tưởng tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa tự nhiên xã hội học được thích ứng, hiệu chỉnh lại, nhường bước trước sự tấn công mạnh mẽ của các lý luận xã hội học định hướng chủ quan

Có thể nói rằng lịch sử xã hội học tư bản lịch sử đấu tranh giành ảnh hưởng giữa chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa tự nhiên và lần lượt thay đổi giữa chúng với tính cách là những phương hướng lý luận- phương pháp luận chiếm ưu thế( trong thời kỳ này hay thời kỳ khác), hơn nữa trình tự ấy cũng đúng hệt như việc đưa ra các quan niệm tự nhiên chủ nghĩa hay chủ quan chủ nghĩa lên hàng đầu, do hoàn cảnh xã hội của thời đại quyết định.

Chính sự kiện này cho phép chúng ta tách ra phép lưỡng phân “ chủ nghĩa tự nhiên- chủ nghĩa thực chứng” với tính cách là tiêu chuẩn tổng quát nhất để phân loại các lý luận xã hội học tư sản. Chúng ta nhận thấy rằng continuume “ chủ nghĩa tự nhiên- chủ nghĩa chủ quan” trong lý luận( nghĩa là theo vấn đề căn bản đối với lý luận xã hội học về bản chất của thực tại xã hội) tương ứng với continuume về phương pháp luận “ lý giải- lĩnh hội”, cũng như sự phân chia nhất định quan điểm về những vấn đề đạo đức học xã hội học, vai trò và vị trí của xã hội học, và cả vấn đề quan điểm chính trị của nhà xã hội học( từ chủ nghĩa bảo thủ đến chủ nghĩa cấp tiến “ tả khuynh”). Có lẽ có thể nói rằngd tiêu chuẩn kể trên cho phép diễn tả đầy đủ hơn những dấu hiệu lý luận- phương pháp luận cũng như thể giới quan rộng rãi của các nhà lý luận xã hội học khác nhau.

Hiển nhiên, kiểu phân loại này cũng như mọi kiểu phân loại khác không phải là phản ánh đầy đủ của thực tại, mà là nguyên lý gợi mở phục vụ cho việc tổ chức tư liệu nghiên cứu ban đầu. Trong thực tế không tồn tại nhưng quan niệm tự nhiên chủ nghĩa thuần túy, hoặc chủ quan chủ nghĩa thuần túy. Tuy nhiên, việc xem xét một cách chi tiết từng quan niệm trên quan điểm đó cho phép làm sáng tỏ nội dung thể giới quan- lý luận cơ bản của quan niệm ấy. Chẳng hạn, chủ nghĩa tự nhiên thể hiện ở cách tiếp cận thể giới xã hội học với tính cách là một hiện tượng tuyệt đối và hoàn toàn khách quan, độc lập với hoạt động có ý thức của con người. Chủ nghĩa tự nhiên có thể là những hình thức đa dạng, có thể là cá nhân chủ nghĩa ( dựa vào bản chất cá thể, xa lạ với ý thức, tác động từ ngoài và độc lập với ý thức của con người) cũng như là chính thể chủ nghĩa( dựa vào hệ thống xã hội phát triển theo những quy luật riêng mà các cá nhân thành viên của xã hội học không ý thức: bản thân các cá nhân ở đây đóng vai trò đỉnh ốc trong cỗ máy, hoặc tế bào trong cơ thể).

Đặc điểm nổi bật của cách tiếp cận tự nhiên chủ nghĩa trong xã hội học lý thuyết, lấy ý thức làm nhân tố cơ sở duy nhất và tuyệt đối của đời sống xã hội. Các biến thể của chủ nghĩa chủ quan cũng đa dạng: từ chủ nghĩa chủ quan “ phương pháp luận” của xã hội học hiện tượng luận, cho đến chủ nghĩa tiên nghiệm ngôn ngữ trong quan niệm của P.Winch về khoa học xã hội. Tuy nhiên, đặc trưng cho tất cả các quan niệm ấy là bỏ qua tính chế định xã hội của nó thì tuyệt đối hoá một cách siêu hình điều kiện xã hội của xã hội tư sản. Cho nên rút cuộc mọi biến dạng của chủ nghĩa xã hội tự nhiên đều quy tụ ở một chỗ bỏ qua tính ý thức của con người trong lý luận xã hội học.

Đến lượt nó, những quan niệm của chủ nghĩa chủ quan tập trung chính vào ý thức, lấy ý thức làm nhân tố cơ sở duy nhất và tuyệt đối của đời sống xã hội. các biến thể của chủ nghĩa chủ quan cũng đa dạng: từ chủ nghĩa chủ quan “phương pháp luận” của xã hội học hiện tượng luận, cho đến chủ nghĩa tiên nghiệm ngôn ngữ trong quan niệm của P.Winch về khoa học xã hội. Tuy nhiên, đặc trưng cho tất cả các quan niệm ấy là bỏ qua tính chế định “lịch sử tự nhiên” khách quan của đời sống xã hội. Và nếu như các hệ thống tự nhiên chủ nghĩa của xã hội học là sản phẩm bái vật hoá những nhân tố tự nhiên (hoặc gần tự nhiên) của đời sống xã hội, thì các hệ thống chủ quan chủ nghĩa định trước thất bại cho những cố gắng vượt qua sự tha hoá phổ quát đặc trưng cho xã hội tư sản, những cố gắng tìm ý nghĩa của đời sống con người, đời sống ý thức con người trong thực tại: “phi nhân tính” hiện có. Cần nhận thấy rằng bản thân các nhà lý luận tư sản thường ý thức được sự không đầy đủ của cách tiếp cận này hay tiếp cận kia. Điều này liên quan tới sự xuất hiện thêm một định hướng nữa được gọi là định hướng biện chứng trong xã hội học lý thuyết. Định hướng ấy muốn kết hợp trong một sơ đồ quan niệm thống nhất cả tính tích cực của ý thức của con người, cũng như những đặc tính khách quan của quá trình xã hội. Cơ sở lý luận của loại ý định như vậy là xét lại phép biện chứng của C.Mác về đời sống xã hội, còn động cơ tư tưởng của nó là mong muốn tìm cách biện minh “biện chứng” cho những nghịch lý căn bản của xã hội tư sản. Tuy nhiên, những ý định ấy đã bị phán định từ trước là phải thất bại, bởi lẽ khi ghép biện chứng của C.Mác cho thích ứng với những nhu cầu tư tưởng của mình, các nhà lý luận tư sản bóp méo, tước bỏ đi chính thực chất của nó – tinh thần cách mạng. Kết quả là xuất hiện những giả thuyết tinh tế hơn của chủ nghĩa chủ quan xã hội học thay vì xã hội học biện chứng. Như vậy kinh nghiệm của các nhà xã hội học cho thấy, về nguyên tắc, phép biện chứng của C.Mác không thích hợp cho những mục tiêu tiến bộ.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử, lý luận biện chứng mácxít về xã hội, phê phán kịch liệt tất cả các cách tiếp cận siêu hình “cá biệt” đối với việc nghiên cứu về đời sống xã hội. nó lấy quan điểm khách quan, chính thể khoa học đích thực về đời sống xã hội đối lập với chủ nghĩa tự nhiên cũng như chủ nghĩa chủ quan của xã hội học tư sản, quan điểm ấy có khả năng coi sự đa dạng và tính mâu thuẫn thực tại của đời sống xã hội là tính chính thể được tạo lập nên, nằm trong quá trình phát triển biện chứng.

Phân tích mácxít về xã hội là phân tích khách quan, xa lạ với chủ nghĩa duy linh của xã hội học chủ quan chủ nghĩa. Nhưng đồng thời chủ nghĩa Mác cũng không chấp nhận cả chủ nghĩa tự nhiên làm mất tính người. chỉ có khoa học Mácxít-lêninnít về xã hội mới có thể luận chứng được một cách thích ứng cho nguyên tắc tính tích cực của ý thức, bởi lẽ nó đưa việc lý giải khách quan về thế giới xã hội đến những kết luận chủ quan. Chủ nghĩa Mácxét chủ thể có ý thức, những nhu cầu, mục tiêu và lợi ích của chủ thể ấy trên quan điểm tính quy định khách quan giai cấp của chúng, như vậy chủ nghĩa Mác gắn liên quan điểm của chủ thể với toàn bộ diễn biến của quá trình xã hội khách quan.

Trong thời gian gần đây, sự phê phán mácxít về xã hội học tư sản đã tiến một bước đáng kể. Thế nhưng những mưu toan bất tận của các nhà tư tưởng tư sản hòng bồi nhọ kinh nghiệm xây dựng

